

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **72/2021/HNGĐ- ST**

Ngày 07/9/2021

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Thu Loan
2. Ông Vũ Thái Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N., sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm 1, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ Mạnh Q., sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/9/2017. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Tháng 10/2020 chị Phạm Thị N. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N. trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 10/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q..

Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Vũ Quốc H., sinh ngày 20/3/2018. Chị N. có quan điểm khi ly hôn đề nghị cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. và không yêu cầu anh Q. phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Q. hiện không có mặt ở địa phương.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị N. xác định vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Vũ Mạnh Q. có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q. và chị Phạm Thị N. kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S. Quá trình chung sống bình thường, thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, từ tháng 10/2018 mâu thuẫn trầm trọng. Hiện tại anh Q. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, khi đi không báo chính quyền, không làm thủ tục tạm trú, tạm vắng.

Hiện bị đơn anh Vũ Mạnh Q. đang đi làm ăn xa nên không có mặt ở địa phương. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh Vũ Mạnh Q. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Do vậy, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Phạm Thị N. được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q.; về con chung: Đề nghị giải quyết giao cháu Vũ Quốc H., sinh ngày 20/3/2018 cho chị Phạm Thị N. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện

kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Phạm Thị N. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q. và giao nuôi con chung khi ly hôn, không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Bị đơn anh Vũ Mạnh Q. có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện S, hiện anh Q. đi làm ăn xa không có mặt ở nhà, khi đi không báo chính quyền địa phương, không làm thủ tục tạm trú tạm vắng. Như vậy, anh Q. đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cũng như chị N. biết. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Mạnh Q. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/9/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ tháng 10/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tháng 10/2020 chị N. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q..

Kết quả xác minh thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. sống bình thường, thi thoảng phát sinh mâu thuẫn nhỏ do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Từ tháng 10/2018 mâu thuẫn trầm trọng, anh Q. đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân từ đó.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. có hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Phạm Thị N. được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q..

- Về con chung: Chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. có 01 con chung là cháu Vũ Quốc H., sinh ngày 20/3/2018. Quá trình giải quyết chị N. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu và không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, Cháu Vũ Quốc H. là con chung của chị Phạm Thị N. và anh Vũ Mạnh Q. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên hiện tại anh Q. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, chị N. và cháu hiện đang cùng sinh sống với nhau tại xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu và đảm bảo quyền lợi của người mẹ và con cái sau khi ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu của chị N. giao cháu Vũ Quốc H., sinh ngày 20/3/2018 cho chị Phạm Thị N. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Q. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị N. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N. được ly hôn với anh Vũ Mạnh Q..

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Quốc H., sinh ngày 20/3/2018 cho chị Phạm Thị N. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Mạnh Q. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003629 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị N. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã H.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến